| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 89/2019/HSST
Ngày: 26 - 11 - 2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đào Thị Thúy Thành

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lò Thị Dỉnh - Cán bộ hưu trí

2. Bà Cao Thị Đại - Hiệu trưởng trường THCS H, thành phố Đ, tỉnh B.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà***: Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2019/TLST- HS ngày 12 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 15/8/1992; Tại tỉnh B;

Nơi cư trú: Tổ 02, phường S, thị xã M, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 8/12 phổ thông; Con ông: Nguyễn Văn K (Đã chết); Con bà: Lưu Thị T (Đã chết); Vợ, con: Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 01 tiền án: Ngày 08/8/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 20/4/2019 T chấp hành xong hình phạt tù và án phí, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 11/10/2019 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

*- Bị hại*:

1, Chị Lò Đ; Nơi ĐKHKTT: Đội 05, xã M, huyện T, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Số nhà 59, tổ dân phố 31, phường M, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt);

2, Chị Lò Đ; Nơi ĐKHKTT: Đội 05, xã M, huyện T, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Số nhà 59, tổ dân phố 31, phường M, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt);

3, Cháu Hạng Thị L, sinh ngày 24/4/2004. NƠi ĐKHKTT: Bản N B, xã P, huyện B, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 16, phường H, thành phố Đ, tỉnh B; Người đại diện theo pháp luật của cháu L: Anh Hoàng Thế C; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

4, Cháu Giàng Thị D, sinh ngày: 06/01/2004; Nơi ĐKHKTT: Bản N B, xã P, huyện B, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 16, phường H, thành phố Đ, tỉnh B; Người đại diện theo pháp luật của cháu D: Chị Bùi Thị T; Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường H, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1, Anh Nguyễn Duy H (tên khác: Nguyễn Duy Y); Địa chỉ: Số nhà 20, tổ dân phố 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt);

2, Chị Trần Thị H; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần 1: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 06/10/2019, T đi bộ mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Đi đến dãy trọ thuộc số nhà 59, tổ 31, phường M thành phố Đ T thấy phòng đầu tiên khóa cửa xung quanh không có người, T nhặt 01 thanh sắt dài khoảng 30 cm ở gần đó, luồn qua móc khóa phòng trọ, bẩy mạnh làm bung ổ khóa. T mở cửa vào lấy 01 chiếc điện thoại di động OPPO A5S màu đen có vỏ ốp màu hồng kèm 01 sim, trị giá 2.239.000đ của chị Lò Đ, đang cắm sạc để trên đệm dưới nền nhà đút vào túi quần; Lấy 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung J5 màu trắng hồng, màn hình cảm ứng bị vỡ, kèm 02 sim trị giá 680.000đ của chị Lò Đ để trên mặt bàn, cho vào túi áo khoác rồi đi ra đóng cửa vào như cũ. Trên đường về T tháo 03 sim của 02 điện thoại vứt đi cùng thanh sắt. T đem điện thoại OPPO A5S cho anh Nguyễn Duy H (là người quen của T) xem, nói dối của T không dùng nữa bán cho anh H được 500.000 đồng và cho anh H điện thoại Sam Sung J5. T đã chi tiêu cá nhân hết 250.000đ.

Lần 2: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 09/10/2019, T lại đi bộ ra khu vực gần trường Trung học phổ thông Phan Đình Giót tìm các nhà trọ có sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến dãy nhà trọ đối diện cổng trường thuộc tổ dân phố 16, phường H, thành phố Đ, T đi vào bên trong thấy phòng trọ trong cùng cửa khép hờ, T mở cửa thấy không có người, lén lút vào phòng lấy 01 chiếc điện thoại Wiko Sunny 3 plus màu vàng đen, có vỏ ốp màu vàng cùng 02 sim và 01 thẻ nhớ 4 GB trị giá 1.466.000đ của cháu Hạng Thị L, đang cắm sạc trên đầu giường đút vào túi quần. T lục túi đồ màu đen để trên

giường lấy 01 chiếc điện thoại Sam Sung J2 Prime có 01 thẻ nhớ 4 GB, trị giá 1.432.000đ và 50.000đ của cháu Giàng Thị D cho vào túi quần, T ra ngoài đóng của lại. Trên đường đi ra khu vực chợ N, T tháo 02 sim và 02 thẻ nhớ của 02 điện thoại vứt xuống đường, đi vào chợ tiêu hết 50.000đ. T vào quán điện thoại của chị Trần Thị H thuộc tổ 01, phường N sạc pin 02 điện thoại vừa chiếm đoạt được. Chiều ngày 09/11/2019, Cơ quan công an triệu tập T lên làm việc, T giao nộp 250.000đ tiền bán điện thoại cho anh H chưa sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 70/QĐ ngày 11/10/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 chiếc điện thoại di động OPPO A5S màu đen có giá 2.194.000đ, 01 vỏ ốp màu hồng trị giá 20.000đ, 01 sim di động mạng Vietel, trị giá 25000đ, 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung J5 PRIME màu trắng hồng, màn hình cảm ứng bị vỡ trị giá 630.000đ, 01 sim vietel trị giá 25.000đ, 01 sim Mobiphone trị giá 25.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 78/QĐ ngày 28/10/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 chiếc điện thoại Wiko Sunny 3 plus màu vàng đen kèm 01 vỏ ốp nhựa dẻo màu vàng cùng 01 sim điện thoại di động Vinaphone và 01 thẻ nhớ 4 GB trị giá 1.466.000đ, 01 chiếc điện thoại Sam Sung J2 Prime có 01 ốp nhựa dẻo màu vàng, 01 thẻ nhớ loại 4GB, trị giá 1.432.000đ, 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt T màu đen có giá 9000đ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T trộm cắp là 5.867.000đ.

Tại bản cáo trạng số 89/CT-VKSTPĐBP ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan khác cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự…Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, vào các ngày 06 và 09 tháng 10 năm 2019, trên địa bàn thành phố Đ, Nguyễn Văn T đã 02 lần lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng trị giá 5.867.000đ.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đ, Nguyễn Văn T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Ngày 08/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 20/4/2019 T chấp hành xong hình phạt tù và án phí, về địa phương sinh sống. Bản án này chưa được xóa án tích. Ngày 06 và 09 tháng 10 năm 2019, T tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo đã hai lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS, Bị cáo đã bị Tòa án đưa ra xét xử và phải đi chấp hành bản án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2].Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Mặc dù bị cáo có hai tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52/BLHS, nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, với hành vi trộm cắp tài sản có giá trị là 5.867.000đ, thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù là cao, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn, bản thân là người nghiện ma túy. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Duy H, khi mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S màu đen có vỏ ốp màu hồng, và được bị cáo T cho 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung J5 màu trắng hồng, màn hình cảm ứng bị vỡ anh T không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, đối với chị Trần Thị H, đã cất giữ 01 chiếc điện thoại Wiko Sunny 3 plus màu vàng đen, có vỏ ốp màu vàng, 01 chiếc điện thoại Sam Sung J2 Prime, kèm 01 vỏ ốp nhựa dẻo màu vàng nhưng không biết đó là của bị cáo T, và do T phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H, chị H là có căn cứ.

[6].Vật chứng: Ngày 31/10/2019 cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả các tài sản cho các chủ sở hữu gồm: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPA A5S màu đen, kèm 01 ốp nhựa dẻo màu hồng, cơ quan điều tra đã trao trả tài sản trên cho bị hại là chị Lò Đ, Nơi ĐKHKTT: Đội 05, xã M, huyện T, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Số nhà 59, tổ dân phố 31, phường M, thành phố Đ, tỉnh B, 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung J5 màu trắng hồng, 01 ổ khóa việt T màu đen bị gãy nấc khóa cho bị hại là chị Lò Đ, Nơi ĐKHKTT: Đội 05, xã M, huyện T, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Số nhà 59, tổ dân phố 31, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện, 01 chiếc điện thoại Wiko Sunny 3 plus màu vàng đen, kèm 01 vỏ ốp màu cho cháu Hạng Thị L, Nơi ĐKHKTT: Bản N B, xã P, huyện B, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 16, phường H, thành phố Đ, tỉnh B, 01 chiếc điện thoại Sam Sung J2 Prime có kèm 01 ốp nhựa màu vàng cho bị hại là cháu Giàng A D, Nơi ĐKHKTT: Bản N B, xã P, huyện B, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 16, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện, trả cho anh Nguyễn Duy H, địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh B số tiền 250.000đ. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 05 chiếc sim điện thoại, 02 thẻ nhớ, 01 thanh sắt T đã vứt đi, nhưng không nhớ vứt tại vị trí nào, cơ quan công an không thu hồi lại được, 50.000đ bị cáo trộm cắp của cháu Giàng Thị D, T đã chi tiêu hết, số tiền 500.000đ anh H đã bỏ ra mua chiếc điện thoại OPPA A5S, bị cáo đã chi tiêu hết 250.000đ cơ quan điều tra không thu hồi lại được, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01( Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (11/10/2019).

2.Vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48/BLHS, khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh B cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện của bị hại Hạng Thị L, Giàng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL và NV liên quan;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**( Đã ký)**

**Đào Thị Thúy Thành**